TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20**/2024/HNGĐ- ST
Ngày: 11-3-2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trường Thống
2. Ông Đặng Hoàng Mơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận không tham gia phiên toà.

Trong ngày 11 tháng 3 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Y, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp H, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang; *có đơn xin vắng mặt*

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn H, sinh năm 1971; địa chỉ: ấp H, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang; *có đơn xin vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/01/2025 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thị Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H trên cơ sở tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và chung sống như vợ chồng từ năm 2002. Vợ chồng chung sống đầm ấm được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm với nhau dẫn đến không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi, bất hòa, mặc dù đã được hai bên hàn gắn nhưng không thành. Hiện vợ chồng anh chị đã sống ly thân với nhau. Xét thấy, vợ chồng không thể hàn gắn

được với nhau, cuộc sống không hòa hợp, tình cảm vợ chồng không còn, làm cho hôn nhân làm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị Lê Thị Y yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn H.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 người con chung là Trần Thanh B, sinh ngày 27/12/2003, giới tính nam và Trần Thị Kim T, sinh ngày 10/7/2006, giới tính nữ, hiện 02 con chung đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên hòa giải bị đơn anh Trần Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Y, nay chị Y yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 người con chung là Trần Thanh B, sinh ngày 27/12/2003, giới tính nam và Trần Thị Kim T, sinh ngày 10/7/2006, giới tính nữ, hiện 02 con chung đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên không tham gia phiên tòa nên không có lời phát biểu:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Lê Thị Y, anh Trần Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Y, anh H.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Y và anh H có tổ chức lễ cưới và chung sống như vợ chồng từ năm 2002 đến nay và có đủ các điều kiện kết hôn nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Việc chị Y, anh H không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, do đó căn cứ Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình nên không công nhận chị Y và anh H là vợ chồng.

[3] *Về quan hệ con chung:* Đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Tài sản chung tự thỏa thuận, không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] *Về án phí xin ly hôn:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Y phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002562 ngày 07/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1-Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận là vợ chồng giữa chị Lê Thị Y và anh Trần Văn H.

2- Về con chung: Các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận tài sản chung, xác định không có nợ chung nên không xem xét.

4- Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị Y phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002562 ngày 07/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

5- Đương sự chị Y, anh H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Vĩnh Phong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phượng